

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/TCDS-ST

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thạch và ông Lê Thuận Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Đại Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2022/TLST-TCDS, ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-DS ngày 16/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-DS ngày 08/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (gọi tắt là A).

Địa chỉ: Số 02 đường L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn K, chức vụ: Giám đốc N, Chi nhánh huyện L, theo Quyết định số 2965/QĐ-HĐTV-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án của Tổng giám đốc A.

Địa chỉ: Số 21 Ng, Tổ dân phố Th, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người được ủy quyền lại: Ông Trương Hải N, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện L, theo Giấy ủy quyền số 27/UQ/NHNo.LT ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Địa chỉ: Số 21 Ng, Tổ dân phố Th, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Đồng bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị Vân A.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Anh T có mặt, chị A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, người được ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là A), ông Trương Hải N trình bày:

Ngày 25/11/2020, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A ký kết với Ngân hàng N, chi nhánh huyện L, phòng giao dịch thị trấn K Hợp đồng tín dụng số 3802LAV202004070/HĐTD vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Phương thức cho vay: Từng lần. Mục đích sử dụng tiền vay: Xây dựng chuồng trại chăn nuôi bò sinh sản bù đắp tài chính đối với các khoản vốn đã sử dụng để xây dựng chuồng trại để chăn nuôi bò sinh sản không quá 06 tháng. Thời hạn cho vay: 36 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 25/11/2023; kỳ hạn trả gốc chia thành 03 kỳ: Ngày 25/11/2021 trả gốc 200.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 25/11/2022 trả gốc 300.000.000 đồng và lãi phát sinh; Ngày 25/11/2023 trả gốc 500.000.000 đồng và lãi phát sinh. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 10%/năm (365 ngày). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A đã sử dụng tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HT0111/2017/HĐTC ngày 01/11/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HT0611/2018/PLHĐ ngày 06/11/2018 ký giữa A Chi nhánh huyện L, phòng giao dịch thị trấn K với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L; văn bản đề nghị và cam kết tiếp tục dùng các tài sản thế chấp để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A đối với ngân hàng ngày 25/11/2020. Tài sản thế chấp gồm:

- Thửa đất số 412, tờ bản đồ số 42. Địa chỉ thửa đất: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình Diện tích thửa đất: 245.9m², (trong đó đất ở 100m², đất trồng cây hàng năm khác 145.9m²), vào sổ cấp GCN: CH 02914 do Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp ngày 02/12/2016 cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A. Giá trị quyền sử dụng đất: 204.377.000 đồng;

- Nhà ở, loại nhà ở: Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng: 90m², diện tích sàn: 175,6m², hình thức sở hữu: Sở hữu riêng. Cấp (Hạng): Cấp III. Giá trị tài sản gắn liền với đất: 1.150.000.000 đồng.

Tại Biên bản định giá lại tài sản thế chấp số: HT0111/2017/BBĐGL ngày 25/11/2020, xác định tổng giá trị tài sản anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A thế chấp vay vốn tại Agribank số tiền 1.354.377.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Ngày 19/8/2021, A, phòng giao dịch thị trấn K đã thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A. Lý do thu hồi nợ trước hạn: Anh Nguyễn Văn T nợ quá hạn tại Công ty TNHH A, Công ty tài chính TNHH M, ngân hàng TMCP H dẫn đến nợ xấu tại A.

Từ ngày nhận tiền vay đến nay, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A chưa trả tiền gốc, mới trả lãi ngân hàng số tiền 18.904.109 đồng, nợ vay đã quá hạn, ngân hàng đã nhiều lần làm việc và đôn đốc trả nợ nhưng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A không trả nợ. Tính đến ngày 18/01/2022 anh Nguyễn Văn T và

chị Nguyễn Thị Vân A còn nợ ngân hàng số tiền 1.092.887.672 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 88.745.206 đồng, nợ lãi quá hạn 4.142.466 đồng. Từ ngày 19/01/2022 đến ngày 21/9/2022, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu lãi trong hạn trên nợ gốc số tiền 53.917.808 đồng, lãi quá hạn trên nợ gốc số tiền 20.219.178 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của A yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A trả nợ A số tiền 1.167.024.658đ (Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng); trong đó nợ gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), nợ lãi trong hạn 142.663.014đ (Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng), lãi quá hạn 24.361.644đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng), tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm và phải chịu lãi sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín đã ký kết.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nêu trên cho A, đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản anh T và chị Vân A đã thế chấp tại ngân hàng để thu hồi nợ vay. Tài sản thế chấp tại ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký kết ngày 01/11/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 06/11/2018; văn bản đề nghị và cam kết ngày 25/11/2020 gồm:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ118594. Thửa đất số 412, tờ bản đồ số 42. Địa chỉ thửa đất: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Diện tích thửa đất: 245.9m², (trong đó đất ở 100m², đất trồng cây hàng năm khác 145.9m²), vào sổ cấp GCN: CH02914 do Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp ngày 02/12/2016 cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A.

- Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng: 90m², diện tích sàn: 175,6m², hình thức sở hữu: Sở hữu riêng. Cấp (Hạng): Cấp III được xây dựng trên thửa đất số 412, tờ bản đồ số 42 tại thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A thì A thông qua chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với đồng bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đồng bị đơn đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng chỉ có anh T có mặt, chị Vân A vắng mặt không rõ lý do. Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A nhưng chỉ có anh T có mặt, chị Vân A vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ nhưng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không rõ lý do. Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh Nguyễn Văn T có mặt, chị Nguyễn Thị Vân A tiếp tục vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Vân A theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2022, anh T trình bày: Anh T thừa nhận hợp đồng vay, tài sản thế chấp cũng như số tiền lãi mới trả được cho ngân hàng 18.904.109 đồng là đúng. Ngân hàng khởi kiện buộc vợ chồng anh trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền đến hết ngày 18/01/2022 là 1.092.887.672 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 88.745.205 đồng, nợ lãi quá hạn 4.142.466 đồng; khởi kiện của ngân hàng như trên anh T hoàn toàn chấp nhận. Tuy nhiên do quá trình làm ăn thua lỗ, dịch bệnh nên đã để tình trạng chậm trả như cam kết. Anh T mong muốn và có nguyện vọng thanh toán cho ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng của kỳ thứ nhất (25/11/2021) và toàn bộ lãi trong hạn, xin miễn lãi quá hạn. Thời gian thanh toán chậm nhất trước 30/6/2022 và cam kết thanh toán các kỳ tiếp theo như hợp đồng; nếu sai cam kết và không được ngân hàng chấp nhận thì đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh T thừa nhận, tính đến ngày 21/9/2022, anh T và chị Vân A còn nợ A số tiền như đại diện A trình bày, cụ thể là còn nợ số tiền 1.167.024.658đ (Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng); trong đó nợ gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), nợ lãi trong hạn 142.663.014đ (Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng), lãi quá hạn 24.361.644đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Anh T trình bày đề nghị ngân hàng tạo điều kiện miễn toàn bộ lãi và cho vợ chồng anh trả nợ gốc theo bốn kỳ, kỳ thứ nhất chậm nhất vào cuối tháng 12/2022, ba kỳ còn lại vào năm 2023.

Chị Nguyễn Thị Vân A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2022, chị Nguyễn Thị Vân A trình bày: Chị Vân A thừa nhận chị và anh T có ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn tại ngân hàng N với số tiền 1.000.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay, vợ chồng chị ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là nhà và đất của vợ chồng chị tại thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nguyên nhân không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là do dịch bệnh, làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị chưa thanh toán đúng hạn cho ngân hàng. Chị Vân A đề nghị Tòa án và ngân hàng xem xét cho vợ chồng chị thanh toán theo các kỳ trả lãi và gốc đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng như ý kiến đề nghị của anh T. Nếu ngân hàng không chấp nhận thì đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy phát biểu quan điểm: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các

Điều 318, 319, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A phải trả nợ cho Ngân hàng N số tiền tổng cộng là 1.167.024.658đ (Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng); trong đó nợ gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), nợ lãi trong hạn 142.663.014đ (Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng), lãi quá hạn 24.361.644đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng), tính đến ngày xét xử sơ thẩm và chịu lãi sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết; buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết tranh tụng hỏi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc vắng mặt của đồng bị đơn Nguyễn Thị Vân A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà họp lệ đến đồng bị đơn nhưng chỉ có anh T có mặt, chị Vân A vắng mặt; do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất ngày 08/9/2022 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai, chị Nguyễn Thị Vân A vẫn vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên toà họp lệ. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn Nguyễn Thị Vân A.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng bị đơn đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã Hồng Thủy, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét Hợp đồng tín dụng số 3802LAV202004070/HĐTD ngày 25/11/2020 ký kết giữa A, phòng giao dịch thị trấn K với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A đã tuân thủ đúng

quy định của pháp luật, do đó đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho vay tại Hợp đồng tín dụng số 3802LAV202004070/HĐTD ngày 25/11/2020. Anh T và chị Vân A thừa nhận vay nợ và thế chấp tài sản của mình tại A, xin trả lần nhận nợ đầu tiên số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trước ngày 30/6/2022 nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tại phiên tòa, anh T tiếp tục xin miễn toàn bộ lãi và xin gia hạn thời hạn trả nợ nhưng không được đại diện nguyên đơn đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc đồng bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A trả nợ cho A số tiền tổng cộng là 1.167.024.658đ (Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng); trong đó nợ gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), nợ lãi trong hạn 142.663.014đ (Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng), lãi quá hạn 24.361.644đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/9/2022). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3802LAV202004070/HĐTD ngày 25/11/2020 giữa A, phòng giao dịch thị trấn K với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A là phù hợp các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HT0111/2017/HĐTC ngày 01/11/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HT0611/2018/PLHĐ ngày 06/11/2018 và văn bản đề nghị và cam kết tiếp tục dùng các tài sản thế chấp để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A đối với ngân hàng ngày 25/11/2020: Để đảm bảo khoản tiền vay của mình, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A đã ký hợp đồng với A, phòng giao dịch thị trấn K, thế chấp tài sản:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ118594. Thửa đất số 412, tờ bản đồ số 42. Địa chỉ thửa đất: Thôn M, xã H, huyện L tỉnh Quảng Bình. Diện tích thửa đất: 245.9m², (trong đó đất ở 100m², đất trồng cây hàng năm khác 145.9m²), vào sổ cấp GCN: CH02914 do Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp ngày 02/12/2016 cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A.

- Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng: 90m², diện tích sàn: 175,6m², hình thức sở hữu: Sở hữu riêng. Cấp (Hạng): Cấp III được xây dựng trên thửa đất số 412, tờ bản đồ số 42 tại thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Vì vậy, nếu anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với A, phòng giao dịch thị trấn K thì A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi vốn cho vay.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A thì A thông qua chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A để thu hồi nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, đồng bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 318, 319, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng N. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A phải trả nợ cho Ngân hàng N số tiền tổng cộng là 1.167.024.658đ (Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng); trong đó nợ gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), nợ lãi trong hạn 142.663.014đ (Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng), lãi quá hạn 24.361.644đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng), tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/9/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3802LAV202004070/HĐTD ngày 25/11/2020 giữa Ngân hàng N, chi nhánh L với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A.

2/ Trường hợp anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A không trả được nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn cho vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo văn bản cam kết tiếp tục dùng các tài sản thế chấp để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A đối với ngân hàng ngày 25/11/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HT0111/2017/HĐTC ngày 01/11/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HT0611/2018/PLHĐ ngày 06/11/2018 được ký kết giữa Ngân hàng N, phòng giao dịch thị trấn K với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A thì A thông qua chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A để thu hồi nợ

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu số tiền 47.010.000đ (Bốn mươi bảy triệu không trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ

thảm để sung quỹ Nhà nước. Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tạm ứng án phí số tiền 22.393.315 đồng đã nộp theo biên lai thu số 31AA/2021/0004407 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/9/2022); đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú và trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Sơn

